

Bản án số: 27/2017/DS-ST

Ngày: 06/9/2017

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Lâm***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**Bà Dương Thị Tú Phương**

**Ông Trương Hoàng Diệu**

***Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chi*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Tuấn*** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLST – DS ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc: “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2017/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa:

- ***Đồng nguyên đơn: Ông Trần Văn C*** – sinh năm 1952 và bà ***Nguyễn Thị L*** – sinh năm 1953;

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau.

- ***Đồng bị đơn: Ông Nguyễn Văn T*** – sinh năm 1951 và bà ***Nguyễn Thị Đ*** – sinh năm 1951

Địa chỉ: ấp xx, xã PT, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Ông C, bà L có mặt; ông T, bà Đ vắng mặt lần thứ hai.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2017 và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, đồng nguyên đơn ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Ngày 30/5/2005 dương lịch, ông C, bà L cho ông T, bà Đ vay 25 chỉ vàng 24k, lãi thỏa thuận 500.000đ/tháng/25 chỉ. Do chỗ bà Đ với bà L là chị em chú bác ruột nên không có làm giấy tờ. Ông C đưa trực tiếp 25 chỉ vàng cho ông T. Thời hạn cho vay 06 tháng.

Đến ngày 30/6/2006 dương lịch, ông C, bà L cho ông T, bà Đ vay thêm 10 chỉ vàng 24k, lãi thỏa thuận 300.000đ/tháng/10 chỉ. Ông C đưa vàng cho ông T. Ông T, bà Đ hứa vay trong khoảng 05 – 06 tháng sẽ thanh toán. Lần này cũng không có làm biên nhận. Đến khoảng năm 2007 – 2008, do lâu quá nên không nhớ ngày tháng, bà Đ có làm biên nhận cho ông C, bà L.

Sau đó, bà Đ - ông T có trả được 07 chỉ vàng vốn và 06 chỉ vàng lãi. Như vậy, còn thiếu ông C, bà L 28 chỉ vàng vốn. Ông C, bà L yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận từ ngày 30/6/2006 đến ngày địa phương hòa giải ngày 17/3/2017 là 127 tháng là 101.600.000đ nhưng được đối trừ 06 chỉ vàng đã thanh toán lãi.

Nhưng ông C, bà L xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà Đ trả 28 chỉ vàng vốn và 50.000.000đ tiền lãi.

#### **Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:**

Vào ngày 30/5/2005 dương lịch, vợ chồng bà hỏi vay của ông C, bà L 25 chỉ vàng 24k, lãi thỏa thuận 500.000đ/tháng/25 chỉ. Không xác định thời hạn trả, do chỗ bà Đ với bà L là chị em con chú bác ruột nên chỉ nói khi nào làm có tiền sẽ trả. Ông T nhận trực tiếp bằng 25 chỉ vàng 24k, giữa các bên không có làm biên nhận. Ngày 30/6/2006 dương lịch, vợ chồng bà hỏi vay tiếp 10 chỉ vàng 24k, lãi thỏa thuận 300.000đ/tháng/10 chỉ. Ông C đưa vàng cho ông T. Lần này cũng không có xác định thời hạn vay, chỉ nói khi nào có tiền sẽ trả, vay không có làm biên nhận.

Đến khoảng năm 2007 – 2008, bà Đ mới làm biên nhận cho ông C, bà L. Bà Đ thống nhất lời trình bày của ông C, bà L là vợ chồng bà đã trả được 07 chỉ vàng gốc và 06 chỉ vàng lãi; thừa nhận còn thiếu và đồng ý trả 28 chỉ vàng 24k và 50.000.000đ tiền lãi nhưng bà Đ xin phần tiền lãi 50.000.000đ.

Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó không ghi nhận được ý kiến của ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với đồng bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: bà Đ thừa nhận bà và ông T vay của ông C, bà L 35 chỉ vàng 24k với lãi thỏa thuận 800.000đ/tháng. Sau ngày vay đã trả được 07 chỉ vàng 24k gốc và 06 chỉ vàng 24k lãi, bà Đ đồng ý trả 28 chỉ vàng gốc nhưng xin phần lãi 50.000.000đ. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật khi vay mượn vàng giữa các cá nhân không có tính lãi. Do đó, phần 06 chỉ vàng các bên xác định thanh toán lãi sẽ được đối trừ vào phần nợ gốc. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, bà L để buộc ông T, bà Đ trả 22 chỉ vàng 24k.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề

xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ông C, bà L có tranh chấp hợp đồng vay với ông T, bà Đ. Ông T, bà Đ có địa chỉ cư trú tại huyện Phước Long. Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phước Long.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông T, bà Đ vắng mặt tại phiên tòa hai lần; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Đ là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, ông C, bà L xác định ngày 30/5/2005 cho ông T, bà Đ vay 25 chỉ vàng 24k, lãi thỏa thuận là 500.000đ/25 chỉ/01 tháng và ngày 30/6/2006 cho ông T, bà Đ vay thêm 10 chỉ vàng 24k, lãi thỏa thuận 300.000đ/10 chỉ/01 tháng; tổng cộng là 35 chỉ vàng 24k. Ông T, bà Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại lời khai ngày 08/6/2017 (bút lục số 31 – 32), bà Đ thừa nhận lời trình bày của ông C, bà L là đúng sự thật. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc ông T, bà Đ có vay của ông C, bà L 35 chỉ vàng 24k và lãi 800.000đ/01 tháng là có thật.

[4] Xét yêu cầu của ông C, bà L yêu cầu ông T, bà Đ trả 28 chỉ vàng gốc và 50.000.000đ lãi. Tại phiên tòa, ông C, bà L xác định sau khi vay ông T, bà Đ đã trả được 07 chỉ gốc và 06 chỉ lãi; sự thừa nhận này là phù hợp lời khai của bà Đ. Do đó, có cơ sở chấp nhận ông T, bà Đ đã thanh toán cho ông C, bà L được 13 chỉ vàng 24k.

Tuy nhiên, tại Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam, không có quy định áp dụng đối với vàng nên đây là giao dịch dân sự không phát sinh lãi suất. Do đó, ông C, bà L yêu cầu ông T, bà Đ trả tiền lãi của số vàng vay bằng 50.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận. Như phân tích trên thì việc cho vay vàng không phát sinh lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông C, bà L thừa nhận ông T, bà Đ có trả lãi cho ông C, bà L là 06 chỉ vàng 24k nên số vàng này được đối trừ vào phần gốc.

[5] Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T cố tình vắng mặt. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của bà Đ xác định sử dụng số vàng vay cho sinh hoạt chung trong gia đình và ông T là người trực tiếp nhận vàng vay. Do đó, có cơ sở xác định đây là phần nợ chung của ông T, bà Đ nên ông T, bà Đ cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[9] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, bà L buộc ông T, bà Đ trả cho ông C, bà L 22 chỉ vàng 24k.

[10] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[11] *Về án phí*: ông C, bà L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận [(06 chỉ vàng 24k x 3.559.700đ) +

50.000.000đ] x 5% = 3.567.910đ nhưng ông C, bà L là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho ông C, bà L. Ông C, bà L đã dự nộp 3.583.000đ tại biên lai số 0009816 ngày 12/5/2017 nên được hoàn nhận lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Ông T, bà Đ phải nộp án phí đối với yêu cầu của ông C, bà L được chấp nhận (22 chỉ vàng 24k x 3.559.700đ) x 5% = 3.915.670đ.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các các Điều 26, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 357, 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị L:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị L 22 (hai mươi hai) chỉ vàng 24K (vàng 98%).

2/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị L về việc đòi ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ trả 06 chỉ vàng 24k và 50.000.000đ tiền lãi.

3/ Về án phí: Hoàn lại cho ông C, bà L số tiền dự nộp án phí 3.583.000đ (ba triệu năm trăm tám mươi ba ngàn đồng) theo biên lai số 0009816 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Ông T, bà Đ phải nộp án phí có giá ngạch là 3.915.670đ.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015”.*

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lư Trường Lâm**